

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Uyên

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An; cư trú tại: Số B, Đường N, khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An; cư trú tại: Số B, Đường N, khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 05 tháng 10 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông Lê Văn N tiến tới hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức đám cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000 ngày 07 tháng 5 năm 2000. Sau đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nhưng ông N không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu bia lại hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần ông N có hành vi hành hạ, đánh đập thậm chí cắt tóc của bà L, thậm chí ông N đã dùng dao đe dọa chém bà L trước mặt các con; bà L thường xuyên bị ông N bạo lực về thể chất và tinh

thân. Vì mong muốn các con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên bà L đã nhiều lần nhẫn nhịn chịu đựng nhưng ông N vẫn chứng nào tật nấy, tính tình không thay đổi tốt hơn. Bà L đã nhiều lần trình báo sự việc ông N đánh đập bà L đến cơ quan Công an P, thành phố T nhưng đến nay chưa nhận được kết quả xử lý. Mặc dù đã ly thân thời gian dài, mỗi người sống mỗi nơi nhưng ông N vẫn nhắn tin và dùng nhiều lời lẽ hăm dọa bà L. Do vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc nên bà L quyết định ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có ba con chung tên Lê Thanh D, sinh năm 2000; Lê Thị Thúy V, sinh năm 2004 và Lê Thùy V1, sinh ngày 25/9/2014. Cháu V1 chưa thành niên và hiện nay đang chung sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L.

Bà L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án được Tòa án đưa ra xét xử theo quy định chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân thời gian dài. Kể từ ngày Tòa án thụ lý cho đến nay, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L cho thấy ông N không tha thiết cuộc sống vợ chồng với bà L. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: cháu Lê Thùy V1 hiện nay đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1 là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp nguyện vọng của cháu V1 theo biên bản ghi nhận ý kiến của Tòa án đối với con chung chưa thành niên trên 07 (bảy) tuổi. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Văn N có địa chỉ cư trú tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng ông N vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L thấy rằng:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn N tiến tới hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07 tháng 5 năm 2000. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà L và ông N tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không biết được sự việc. Theo bà L trình bày thể hiện: Sau khi kết hôn, bà L và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, công việc làm ăn gặp khó khăn, ông N không chăm lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu bia và nhiều lần đánh đập, hành hạ vợ mặc dù đã được bà L và gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông N vẫn không thay đổi tốt hơn. Bà L đã trình báo sự việc nêu trên đến cơ quan Công an P, thành phố T. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/01/2023 và Biên bản giải quyết ngày 31/01/2023 của cơ quan Công an P, thành phố T cùng bản cam kết do ông N viết tại cơ quan Công an có căn cứ xác định có sự việc ông N nhiều lần đánh đập, hành hạ xâm hại đến sức khỏe, tinh thần, thể chất của bà L nên khả năng đoàn tụ của vợ chồng là không có. Nguyên nhân chính bà L quyết định ly hôn với ông N là do ông N thường xuyên đánh đập, hành hạ bà L, thậm chí cắt tóc bà L. Thấy rằng: Hành vi của ông N đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được Luật Hôn nhân và gia đình quy định, hành vi này là nguyên nhân chính dẫn đến việc bà L yêu cầu ly hôn. Đồng thời hành vi ông N đánh đập, hành hạ, cắt tóc xâm hại sức khỏe bà L là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 5, Điều 3 Luật Phòng chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023; đây là hành vi bị xã hội phê phán và phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà L yêu cầu ly hôn nhưng ông N không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà L. Điều đó cho thấy ông N đã mặc nhiên thừa nhận lời trình bày của bà L và những hành vi do chính ông N1 đã gây ra đối với bà L, ông N đã không tôn trọng quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với bà L. Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N, còn ông N cũng không tha thiết cuộc sống chung với bà L. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông N.

[7] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông N có ba con chung, trong đó cháu Lê Thanh D và Lê Thị Thúy V đã thành niên; cháu Lê Thùy V1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014 hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1. Yêu cầu này của bà L là phù hợp

nguyện vọng của cháu V1 và quy định của pháp luật là đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L trình bày không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Lê Thùy V1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0002815 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND xã B, huyện M, Long An
(nơi thực hiện ĐKKH);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn